

UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH
NĂM 2018

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2018

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về Nhà trường

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.4. Địa chỉ trường: Số 499 - đường Hàn Thuyên
Khu I - Phường Đại Phúc - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.
- 1.5. Số điện thoại: 0222 3 827 974
- 1.6. Email: cdcن.bci@gmail.com
- 1.7. Website: www.bci.edu.vn
- 1.8. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2018 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- 1.10. Loại hình trường: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày hơn 45 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.

- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 10 nghề đào tạo:

TT	Tên nghề đào tạo trình độ Cao đẳng
1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
10	Tự động hoá công nghiệp;

+ Trình độ Trung cấp với 08 nghề đào tạo:

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo trình độ Trung cấp</i>
<i>1</i>	<i>Điện công nghiệp;</i>
<i>2</i>	<i>Điện tử công nghiệp;</i>
<i>3</i>	<i>Hàn;</i>
<i>4</i>	<i>Cắt gọt kim loại;</i>
<i>5</i>	<i>Công nghệ ô tô;</i>
<i>6</i>	<i>Kế toán doanh nghiệp;</i>
<i>7</i>	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;</i>
<i>8</i>	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn;</i>

+ Trình độ Sơ cấp với 28 nghề đào tạo:

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo trình độ Sơ cấp</i>
<i>1</i>	<i>Điện công nghiệp</i>
<i>2</i>	<i>Điện tử công nghiệp</i>
<i>3</i>	<i>Điện dân dụng</i>
<i>4</i>	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
<i>5</i>	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
<i>6</i>	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
<i>7</i>	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
<i>8</i>	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
<i>9</i>	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
<i>10</i>	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
<i>11</i>	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
<i>12</i>	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
<i>13</i>	<i>Phay CNC</i>
<i>14</i>	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
<i>15</i>	<i>Cơ điện tử</i>
<i>16</i>	<i>Máy công nghiệp</i>
<i>17</i>	<i>Tin học văn phòng</i>
<i>18</i>	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
<i>19</i>	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>
<i>20</i>	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
<i>21</i>	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
<i>22</i>	<i>Chăn nuôi thú y</i>
<i>23</i>	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>

24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với một số trường Đại học như: Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội ... thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

2.2. Những thành tích đã đạt được:

1. Công tác đào tạo:

a. Qui mô, tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo và công tác tuyển sinh.

Công tác đào tạo được Đảng ủy, BGH nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt của nhà trường. Trong năm 2018 nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động giảng dạy - học tập đảm bảo theo tiến độ đào, đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường tổ chức cho HSSV đi tham quan, thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp và tăng cường giáo dục HSSV, tổ chức đa dạng các hoạt động nhằm giáo dục toàn diện nhân cách học sinh; từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Năm 2018 quy mô đào tạo của nhà trường tiếp tục được mở rộng, với tổng số 2.665 HSSV, trong đó **1610 HSSV** hệ tập trung dài hạn. Đảm bảo các hoạt động giảng dạy và học tập đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 1, học kỳ 2 năm học 2017-2018. Kết quả học tập, rèn luyện năm học 2017-2018 như sau:

+ Kết quả học tập: Xuất sắc: 3,8%; Giỏi: 7,6%; Khá: 43,7%; Trung bình Khá: 20,9%; Trung bình: 10,7%; Yếu, KXL: 13,3%.

+ Kết quả rèn luyện: Xuất sắc: 5,94%; Tốt: 37,5%; Khá: 32,45%; Trung bình: 21,76%; Yếu: 2,29%.

- Tổ chức thi tốt nghiệp cho HSSV các lớp Cao đẳng Khóa 6 và trung cấp K32, K33, K34 (hệ 24 tháng). Trong đó tốt nghiệp: Hệ Cao đẳng: 133 SV, hệ Trung cấp: 65 HS;

- Hội giảng nhà giáo GDNN các cấp: Năm 2018 nhà trường đã tổ chức Thi giảng cấp trường. Tổng số có 20 giảng viên đạt danh hiệu nhà giáo GDNN cấp trường.

Trong đó: Nhất 02, Giải nhì: 02 nhà giáo; Giải 3: 02 nhà giáo; Giải khuyến khích: 02 nhà giáo; cấp Quốc gia: 02 giải ba;

- Tham gia Hội thi tay nghề các cấp đạt kết quả cao. Nhà trường là đơn vị đăng cai Hội thi tay nghề cấp tỉnh. Trường có tổng số 13 HSSV tham gia với 7 nội dung thi và trình diễn (Kỹ thuật lắp đặt điện, Điện tử, Công nghệ ô tô, Kỹ thuật chế biến món ăn, Thiết kế cơ khí, Hàn, Cơ điện tử). Kết quả giành 02 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba. Các phần trình diễn được Ban tổ chức đánh giá cao. Tại Hội thi tay nghề toàn quốc năm 2018, HSSV nhà trường đạt kết quả cao: 02 giải 3, 01 giải khuyến khích.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình đào tạo kép (kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo) đào tạo cho 03 doanh nghiệp là Công ty ABB, Công ty JAT và Công ty Sanwa Việt nam. Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV, đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế và đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp: Canon Tiên Du, Samsung Display Yên Phong, Công ty Sanwa Việt Nam, Công ty cổ phần sản xuất phụ tùng ô tô và thiết bị công nghiệp JAT ... Trong năm 2018 nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp để đưa trên 1000 lượt HSSV đi thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp.

- Công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được nhà trường quan tâm, chú trọng. Nhà trường thường xuyên phối hợp cùng Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, các công ty, doanh nghiệp tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV. Trong năm 2018, nhà trường đã tổ chức 02 đợt giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Kết quả trên 95% HSSV của nhà trường sau khi tốt nghiệp có việc làm.

- Hoàn thành Dự án Đào tạo nghề trọng điểm. Trong đó 01 nghề trọng điểm quốc tế (nghề cắt gọt kim loại), 02 nghề trọng điểm cấp ASEAN (nghề Hàn và Điện tử công nghiệp), 02 nghề trọng điểm quốc gia (nghề công nghệ ô tô và Điện công nghiệp).

- Triển khai, thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2018.

- Nhà trường tiếp tục tăng cường hợp tác cùng một số trường đại học Hàn Quốc, Nhật Bản nhằm tăng cường mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế.

- Chú trọng công tác khuyến học - khuyến tài, kịp thời động viên, khuyến khích các em HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Trong năm, nhà trường đã trao 19 xuất học bổng cho các em HSSV có thành tích cao. 01 xuất học bổng khuyến khích cho tân sinh viên thủ khoa. 02 xuất học bổng cho nữ sinh học khối ngành kỹ thuật. Tặng thưởng cho 09 HSSV tốt nghiệp thủ khoa năm 2018.

- Đồng thời nhà trường tranh thủ được các nguồn lực từ nhiều tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ, cấp học bổng cho HSSV, cụ thể:

- + Tổ chức Elis Cộng hòa Italia trao 240 suất học bổng cho HSSV nhà trường mỗi học bổng trị giá 1.350.000đ.
- + Bộ Khoa học và Nghệ thuật bang Hessen và tổ chức Hỗ trợ đại học thế giới CHLB Đức trao 03 suất học bổng, mỗi học bổng trị giá 5.800.000đ.
- + Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức GIZ tặng 02 suất học bổng toàn khóa cho HSSV là nữ sinh học các ngành kỹ thuật.
- Đã thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho HSSV khi ra trường. Kết quả học sinh sinh viên sau khi ra trường đạt trên 95% có việc làm.

b. Công tác quản lý, giáo dục HSSV:

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.
- Tổ chức học tập đầu khóa với các nội dung như giáo dục truyền thống Nhà trường, phổ biến quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy chế nội trú, quy chế ngoại trú, các chế độ chính sách, tham quan thực tế,..
- Tổ chức cho HSSV tham gia các hội thi, hoạt động phong trào có ý nghĩa giáo dục thiết thực như: Hội diễn văn nghệ khối các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh. Chương trình Chào hè 2018 với chủ đề “Sinh viên BCI năng động - thanh lịch“...
- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.
- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ HSSV đảm bảo đúng quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ của HSSV về học bổng và trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí học tập theo quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác khám sức khỏe đầu vào, đầu ra, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV. Toàn trường có 100% HSSV tham gia Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể.
- Duy trì thường xuyên giao ban công tác chủ nhiệm; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV nghiêm túc, đảm bảo công khai, công bằng và xử lý kịp thời các ý kiến phản hồi của sinh viên.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan, địa phương trong công tác quản lý HSSV ngoại trú.

2. Công tác tổ chức, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên:

- rà soát vị trí việc làm, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các đơn vị trong Nhà trường; Hợp nhất hai đơn vị trực thuộc là khoa Khoa học cơ bản và khoa Kinh tế - CNTT, thành khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT.

- Đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm 01 Phó hiệu trưởng, đến nay BGH nhà trường đã được kiện toàn gồm 03 đồng chí, 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng. Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí trong BGH.

- Thực hiện chế độ BHXH, các chế độ nâng bậc lương, thâm niên nhà giáo và các chế độ hỗ trợ khác đảm bảo quyền lợi của CBVC-NLĐ; quản lý hồ sơ CBVC-NLĐ theo đúng quy định. Trong năm 2018 nhà trường đã hợp đồng 01 lao động theo Nghị định 68/NĐ-CP, điều động nội bộ 09 viên chức. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế - nghỉ hưu trước tuổi đối với 01 viên chức, 04 viên chức nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH. Phân công nhiệm vụ phụ trách các tổ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn của nhà trường.

- Tiến hành thường xuyên công tác thanh tra giáo dục, kiểm tra việc thực hiện nề nếp, nội quy, quy chế của CBVC, NLĐ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Phát triển, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy bằng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn. Tạo điều kiện thuận lợi để viên chức, lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm 2018 đến nay, nhà trường có 08 viên chức hoàn thành chương trình học cao học. Hiện nay, trường có 01 viên chức đang nghiên cứu sinh, 06 viên chức, lao động đang học thạc sỹ. Trong năm có 50 lượt giáo viên tham gia tập huấn theo các dự án của Elis và ngân hàng ACB cùng nhiều lượt bồi dưỡng khác.

3. Công tác tài chính, xây dựng cơ sở vật chất và thực hiện công việc hành chính, quản trị:

- Thực hiện chi đúng, chi đủ, đảm bảo nguyên tắc tài chính, kế toán. Bên cạnh đó nhà trường chú trọng thực hiện tiết kiệm trong sử dụng ngân sách nhà nước.

- Năm 2018 nhà trường được đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 02 nghề Điện tử công nghiệp và Công nghệ ô tô với số tiền là 6 tỷ từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhà trường đã hoàn thành việc tiếp nhận, lắp đặt máy móc, thiết bị và chuyển giao công nghệ các gói thầu trên và đưa vào sử dụng.

- Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị được đầu tư phục vụ tốt hoạt động giảng dạy - học tập của giáo viên và HSSV. Đặc biệt khu nhà xưởng được đầu tư từ “Chương trình Đào tạo nghề 2008” do CHLB Đức tài trợ đã được nhà trường khai thác tạo điều kiện về cơ sở vật chất để HSSV thực tập nâng cao trình độ tay nghề.

- Đảm bảo tốt công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, giữ gìn cảnh quan sư phạm, môi trường xanh - sạch - đẹp;

- Đảm bảo phương tiện phục vụ công tác cho lãnh đạo nhà trường; và đưa đón HSSV học tập và đi thực tập.

- Hiện nay hệ thống nhà xưởng, phòng học, phòng làm việc của Nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc, học tập của học sinh, sinh viên.

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật và quản lí dấu của nhà trường theo đúng quy định.

4. Công tác nghiên cứu khoa học

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

- Năm 2018 triển khai thực hiện 14 đề tài, trong đó 13 đề tài cấp trường, 01 đề tài cấp tỉnh. Kết quả, công nhận 11 đề tài cấp trường và tiếp tục triển khai đề tài cấp tỉnh.

5. Công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng.

a. Công tác xây dựng Đảng.

Đảng ủy bộ phận nhà trường luôn kịp thời tuyên truyền, giáo dục đến cán bộ, viên chức người lao động và học sinh sinh viên thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm, đột xuất trong công tác chính trị tư tưởng theo sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên. Nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng; định hướng tư tưởng đối với đảng viên.

Thường xuyên chú trọng công tác tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh đến cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong nhà trường, tiếp tục tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết TW 6,7,8 – khoá XII, của Ban chấp hành trung ương đến cán bộ, đảng viên.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, quy chế làm việc của cấp ủy, gắn với xây dựng đoàn kết nội bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ; quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên và làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới; giới thiệu đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú. Lãnh đạo xây dựng các tổ chức vững mạnh; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền, xem xét, giải quyết những vấn đề nảy sinh ở đơn vị.

Duy trì và thực hiện tốt nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng đơn vị, các đoàn thể vững mạnh và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo, không ngừng cải tiến lề lối làm việc; cải cách hành chính, đổi mới phong cách làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chất lượng đào tạo, thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thực tiễn dạy học, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thị trường lao động.

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác, nhất là trong thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ và trong hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị vật tư ..

Đảng uỷ đã quan tâm lãnh đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công tác cán bộ, công tác phát triển đảng viên được quan tâm thường xuyên. Trong năm số đảng viên mới được kết nạp 05 đảng viên.

Công tác kiểm tra giám sát của đảng bộ bộ phận được tăng cường. Trong năm Đảng bộ bộ phận đã tiến hành kiểm tra theo điều 30 đối với 02 chi bộ và 02 đảng viên. Qua kiểm tra cho thấy các chi bộ và các đảng viên được kiểm tra đã thực hiện tốt Điều lệ Đảng, chỉ thị Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của cơ quan đơn vị và nơi cư trú, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của nhà trường: Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Xếp loại năm 2018: Tổng số đảng viên là 51 đảng viên, trong đó đảng viên hoàn thành xuất sắc là 07 đồng chí; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ là 37 đồng chí; đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ là 04 đồng chí (lý do sinh con thứ 3); 03 đồng chí chưa xếp loại(lý do mới kết nạp chưa đủ 06 tháng). Qua đánh giá chất lượng xếp loại: Đảng bộ đề nghị xếp loại mức chất lượng : Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018.

b. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể, hội.

- Công đoàn trường có 05 tổ công đoàn và 01 Ban nữ công, với tổng số 88 công đoàn viên. Chi Hội cựu chiến binh nhà trường có 7 đồng chí. Trong năm 2018 tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Đảng (học trực tuyến các nghị quyết) chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn. Tham gia xây dựng các Quy chế của nhà trường theo quy định. Quan tâm chăm

lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên công đoàn. Công đoàn phối hợp với chi Hội cựu chiến binh tổ chức tham quan các di tích lịch sử (về nguồn) và nghỉ mát cho CBGV (tại Hải Tiến -Thanh hóa). Thực hiện tốt việc chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời gia đình, các công đoàn viên khi có ốm đau, việc hiếu. Tổ chức vui chơi cho các cháu thiếu nhi, nhi đồng, tham gia ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, xây dựng quỹ vì người nghèo 2018, quỹ hội chất độc màu da cam. Cùng với các đoàn thể khác của Nhà trường tổ chức tốt các phong trào thi đua nhân các ngày lễ lớn, ngày kỉ niệm trong năm. Đạt giải ba toàn đoàn trong cuộc thi hát dâng người tháng 5/2017. Thực hiện nhiệm vụ vận động cán bộ, viên chức tham gia vệ sinh môi trường (5S), nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh...

c. Công tác Đoàn thanh niên CSHCM, Hội Sinh viên:

Tổng số ủy viên ban chấp hành đoàn trường gồm: 11 đồng chí với 50 chi đoàn, trong đó có 1647 ĐVTN đây là một lực lượng trẻ khỏe, hùng hậu, trong năm 2018 qua BCH Đoàn trường đã tổ chức phát động phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và hưởng ứng các phong trào do Đoàn cấp trên phát động. Tham gia tích cực trong việc tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp, nhập học, tổ chức tốt các hoạt động cho văn hóa văn nghệ, vui chơi cho HSSV (kéo co, đá bóng, đi cầu khí, đua thuyền trên cạn, nhảy bao bố...) nhân các ngày nhập học, kỷ niệm ngày NGVN 20.11, tình nguyện hè, Chào hè Hello summe 2018. Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, giao lưu bóng chuyền, cầu lông vv...

Tham gia Hội thi Hội giảng cấp trường (02 giáo viên chi đoàn CBGV đạt giải nhất) và cấp Tỉnh, cấp Quốc gia, tham gia đề nghiên cứu khoa học cấp trường (có 3 đề tài tiêu biểu) và 80 ý tưởng sáng tạo lên Đoàn khối các cơ quan tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Đoàn Bắc Ninh. 02 giáo viên chi đoàn CBGV đạt giải nhất hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.

Năm 2018 Đoàn trường đã tổ chức kết nạp được 58 thanh niên ưu tú. Công tác phát triển Đảng được Đoàn trường quan tâm, chú trọng, năm 2018 đã giới thiệu được 05 đoàn viên đi học lớp Nhận thức về Đảng. Số đoàn viên được kết nạp Đảng 02.

Đoàn trường chỉ đạo và tổ chức tốt Đại hội cho 50 chi đoàn nhiệm kỳ 2018-2019, nhằm đánh giá những kết quả đạt; bầu ban chấp hành đoàn nhiệm kỳ mới và đề ra phương hướng phát triển công tác đoàn trước yêu cầu mới của nhà trường.

Hội sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã phối hợp với đoàn TN thực hiện tốt các hoạt động thi đua Dạy tốt- Học tốt, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

7. Công tác thi đua - khen thưởng:

- Nhà trường coi trọng công tác thi đua khen thưởng, làm động lực để thúc đẩy các hoạt động Dạy và Học, phục vụ và các hoạt động phong trào. Công tác khen thưởng đã triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn thi đua của cấp trên; đăng kí thi đua hàng năm, các phong trào thi đua nhân các ngày kỉ niệm và các ngày lễ lớn của đất nước;

- Công tác thi đua, tuyên truyền và biểu dương khen thưởng được duy trì thường xuyên và kịp thời, góp phần động viên đội ngũ cán bộ viên chức, lao động.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, cấp học bổng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc và giảng các xuất học bổng khuyến khích cho các tân HSSV có điểm xét tuyển cao khi nhập học vào trường.

- Trong năm 2018, nhiều tập thể, cá nhân của nhà trường có thành tích xuất sắc trong các phong trào như: “Dạy tốt - Học tốt”, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội giảng...được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng. Cụ thể:

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH: 01 cá nhân (Dương Văn Nhung)

+ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 01 cá nhân (Nguyễn Văn Mễ)

+ Giấy khen của Giám đốc Sở Lao động - TBXH: 01 tập thể (Phòng Quan hệ công chúng) 03 cá nhân (Nguyễn Sỹ Phính, Nguyễn Công Phước, Phan Đăng Thực)

Bình xét thi đua, khen thưởng năm 2018 tại đơn vị kết quả như sau:

+ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể nhà trường

+ Tập thể lao động tiên tiến: 10/10 đơn vị (100%)

+ Lao động tiên tiến: 74/78 (94%)

+ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 người

+ Bằng khen của Bộ trưởng bộ Lao động - TBXH: 01 cá nhân

+ Giấy khen của Giám đốc Sở: 01 tập thể, 03 cá nhân

+ Giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường: 03 tập thể; 11 cá nhân

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

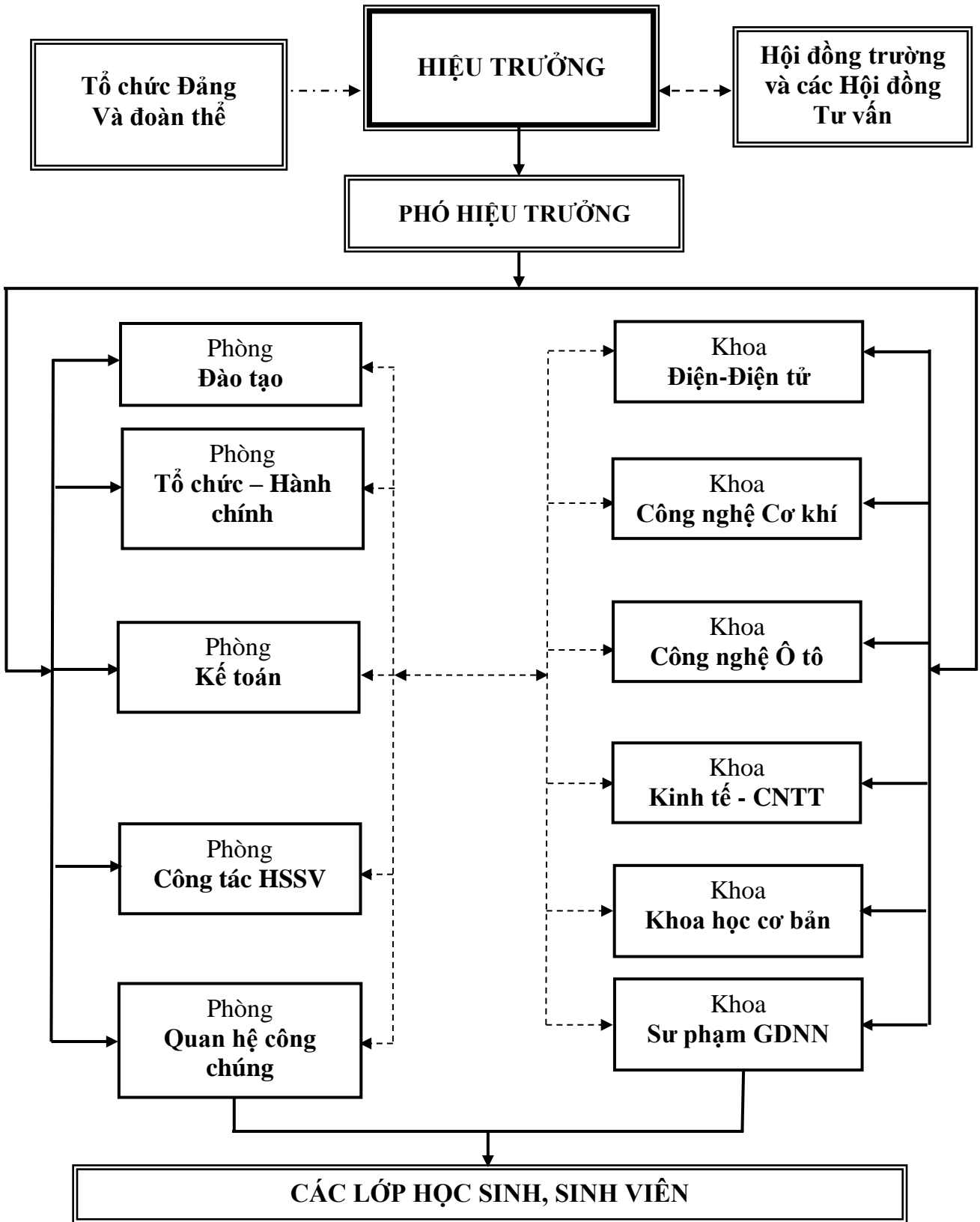
3.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;

- Hội đồng trường;

- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng:
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn:
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa Khoa học cơ bản;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Vũ Quang Khuê	1979	Thạc sỹ	P.Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Bí thư Đảng uỷ
	Vũ Quang Khuê	1979	Thạc sỹ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ Cơ khí - Động lực	Võ Văn Hùng	1969	Kỹ sư	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Điện - Điện Tử	Trương Thị H.Thanh	1967	Kỹ sư	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Đào tạo - QLHS	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc Sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Kinh tế - KHCB	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc Sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Tổ chức hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thục	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Duy Diễm	1982	Thạc sỹ	Bí thư
Hội sinh viên	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Chủ tịch
3. Trưởng các phòng chức năng:				
Phòng Đào Tạo	Trần Văn Thục	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng.
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Kế toán trưởng
Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc Sỹ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa:				
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Phó phụ trách khoa
Khoa công nghệ Cơ khí	Nguyễn Đức Dũng	1958	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - CNTT	Nguyễn Duy Tuyến	1958	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Phó Phụ trách khoa

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Sư phạm GDNN	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Phó khoa

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	92	88
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	62	58
- Tiến sĩ (NCS)	0	0
- Thạc sĩ	24	29
- Đại học	41	36
- Cao đẳng	0	0
- Trung cấp	0	0
- Trình độ khác	02	02
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	57	55

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp;	Cao đẳng	100	99	100	103
2	Điện tử công nghiệp;	Cao đẳng	60	105	60	94
3	Hàn;	Cao đẳng	50	-	50	-
4	Cắt gọt kim loại;	Cao đẳng	70	26	70	20
5	Công nghệ ô tô;	Cao đẳng	60	23	60	51

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
6	Kế toán doanh nghiệp;	Cao đẳng	30	-	30	14
7	Cơ điện tử;	Cao đẳng	25	28	25	57
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;	Cao đẳng	20	-	20	-
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);	Cao đẳng	25	12	25	24
10	Tự động hoá công nghiệp;	Cao đẳng	30	37	30	32
11	Điện công nghiệp;	Trung cấp	18	50	18	191
12	Điện tử công nghiệp;	Trung cấp	18	55	18	95
13	Hàn;	Trung cấp	18	-	18	38
14	Cắt gọt kim loại;	Trung cấp	25	15	25	13
15	Công nghệ ô tô;	Trung cấp	30	15	30	-
16	Kế toán doanh nghiệp;	Trung cấp	25	-	25	-
17	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp	20	2	20	-
18	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp	30	-	30	48
19	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	5	30	15

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
20	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	5	30	12
21	Điện dân dụng	Sơ cấp	30	6	30	5
22	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	4	20	4
23	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp	Sơ cấp	25	2	25	-
24	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp	25	1	25	2
25	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp	25	1	25	1
26	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp	25	1	25	1
27	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp	25	-	25	-
28	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp	25	-	25	-
29	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	8	30	1
30	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp	30	1	30	-
31	Phay CNC	Sơ cấp	20	-	20	2
32	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	5	25	2
33	Cơ điện tử	Sơ cấp	30	-	30	1
34	Máy công nghiệp	Sơ cấp	25	-	25	-

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
35	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	-	30	4
36	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	2	25	-
37	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Sơ cấp	30	10	30	1
38	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp	20	5	20	2
39	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	6	20	4
40	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp	30	30	30	-
41	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp	30	-	30	-
42	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp	30	-	30	-
43	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	60	62	60	-
44	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp	60	-	60	-
45	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	60	-	60	-

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2017		Năm 2018	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
46	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	103	90	10

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNĐKHKHĐ-TCDN, ngày 23/6/2017 và số 175a/2017/GCNĐKBS-GDNN, ngày 25/8/2017).

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	24.310	24.310
- Khu hiệu bộ	503	503
- Phòng học lý thuyết	1400	1400
- Xưởng thực hành	7840	7840
- Khu phục vụ		
+ Thư viện	150	150
+ Ký túc xá	4742	4742
+ Nhà ăn	300	300
+ Trạm y tế	20	20
+ Khu thể thao	5000	5000
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)		
2. Tổng số đầu sách của trường	2500	2500
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>
3. Tổng số máy tính của trường		
- Dùng cho văn phòng		
- Dùng cho học sinh học tập		
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	7.303.493.133	
5. Tổng thu học phí	2.163.214.450	
6. Tổng kinh phí quyết toán	7.222.887.940	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một trong các mô hình xã hội hóa giáo dục thời kỳ đổi mới. Gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo, coi chất lượng đào tạo là uy tín, là thương hiệu, là cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển bền vững. Nhờ vậy Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ Cán bộ, Giảng viên, Nhân viên có chất lượng và số lượng, đáp ứng nhiệm vụ, có cơ sở vật chất đảm bảo được yêu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. Đến nay Trường đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho phép đào tạo 10 ngành trình độ Cao đẳng, 08 ngành trình độ trung cấp và 28 ngành trình độ sơ cấp. Uy tín của Nhà trường ngày càng được HSSV và xã hội khẳng định, chỉ tiêu đào tạo và khả năng tuyển sinh của Nhà trường năm sau đều cao hơn năm trước. Đến nay Nhà trường đã thu hút được gần 2.000 HSSV. Hàng vạn HSSV đã tốt nghiệp, hầu hết đã tìm được việc làm và đang giữ vai trò quan trọng trong các cơ quan, xí nghiệp. Nhiều bạn tiếp tục học lên đại học.

Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm và mục tiêu mà bất cứ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào cũng phải cố gắng phấn đấu để đạt được. Khi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đề ra chủ trương các trường tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, lãnh đạo Trường đã xác định « Tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là việc làm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và có tác dụng thiết thực trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường ».

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự đánh giá, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã sớm thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng bao gồm các ông, bà đại diện Ban Giám hiệu, các trưởng Khoa, Phòng, các đại diện của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và HSSV Nhà trường nhằm hoàn thành với chất lượng cao Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường. Báo cáo được thực hiện liên tục và đã hoàn thành đúng kế hoạch tiến độ đề ra (Bắt đầu từ tháng 3/2018, hoàn thành vào tháng 12/2018).

Báo cáo đã thể hiện sự đóng góp công sức của nhiều đơn vị, cá nhân trong toàn trường, nhất là các thành viên của Hội đồng tự kiểm định, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình và góp ý chân thành của các chuyên gia, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đã tập huấn nâng cao nhận thức tự đánh giá cho các thành viên của Nhà trường, truyền đạt kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm tự đánh giá cũng như góp ý cho quá trình xây dựng kế hoạch, viết đề cương báo cáo vv, cho các thành viên Hội đồng tự kiểm định của Nhà trường.

Báo cáo đã thể hiện được tính khách quan, trung thực và công khai, minh bạch.

Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong Báo cáo đã có các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo đã bao quát được đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Sau khi lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV, báo cáo đã được chỉnh sửa, hoàn thiện, trở thành tư liệu quý, góp phần quan trọng trong việc giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu đào tạo của trường cho giai đoạn tiếp theo, theo hướng cao hơn; Báo cáo còn là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tự đánh giá đã thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình thực hiện tự kiểm định;

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng Trường cao đẳng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 1 năm 2018.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng nghề.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường

hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Căn cứ vào bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐ và Xã hội thành viên Hội đồng tự kiểm định và các đơn vị trực thuộc rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công và thực hiện tự đánh giá theo hướng dẫn theo Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 1 năm 2018.

Thành viên Hội đồng tự kiểm định viết báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn mẫu 3.2 thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ và Xã hội, ngày 15/12/2017.

Việc mã hoá minh chứng được quy định theo hướng dẫn tại mẫu 3.3 thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ và Xã hội, ngày 15/12/2017.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

2.4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp và viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của đơn vị.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 và Điều 11 của Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTĐ và Xã hội, ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, gửi các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp để lấy ý kiến.

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đúng thời hạn quy định.

2.4.2. Đối với các Phòng, Khoa thuộc trường

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định của đơn vị mình, trình Hội đồng kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp thông qua.

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của đơn vị, kèm theo bản chụp các minh chứng, báo cáo Hội đồng kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng được quy định tại Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Phòng đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các khoa trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở Giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	<i>100</i>	<i>Đạt chuẩn chất lượng</i>
	Tổng điểm	98	<i>Đạt chuẩn chất lượng</i>
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý		
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa,	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.		
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo		
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.		
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động		
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.		
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	Đạt
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	0	<i>Không đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.		
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sơ phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính		
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	Đạt
	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học		
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập,	01	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.		
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	01	Đạt
	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng		
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	01	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	01	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	01	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	01	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	01	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	01	<i>Đạt</i>